

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028).38.205.944 – 38.205.947;
Fax: 38.205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025	10 – 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025	12 – 37

5011
CÔNG
TNH
H VỤ T
HÍNH I
KIỂM
PHÍA N
- T.P.V

N: 08
CÔNG
CỔ P
TRƯỜNG
VH PH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ Phần Trường Phú là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800298748, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh dây cáp điện các loại.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị điện khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, nhôm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi lưu trữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị; Sản xuất và phân phối điện mặt trời áp mái; Bán buôn giấy.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Chi nhánh và Văn phòng đại diện

Thông tin về Chi nhánh

Tên Chi nhánh: Chi nhánh Công ty CP Trường Phú Tại Hà Nội

Địa chỉ: 175A Phùng Hưng, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Mã số Chi nhánh: 0800298748-002

Thông tin về Văn phòng đại diện:

Tên văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện Công ty Cổ Phần Trường Phú.

Địa chỉ: Nhà số 10, Khu biệt thự II, Bắc Linh Đàm, Phường Định Công, TP. Hà Nội.

Mã số thuế văn phòng đại diện: 0800298748-001

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Lương Hoài Nam	Chủ tịch HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2023)
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2023)
Ông Nguyễn Hồng Việt	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2023)
Ông Hồ Đức Thành	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2023)
Ông Nguyễn Đức Chiến	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2023)

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Phạm Duy Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2023)
--------------------	----------------------	--------------------------------------

Số: 328/BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(Về Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ Phần Trường Phú).**Kính gửi: - Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ Phần Trường Phú.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 kèm theo của Công ty Cổ Phần Trường Phú được lập ngày 19 tháng 03 năm 2026 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Trường Phú tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Phó Tổng Giám đốc

Đình Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1

Kiểm toán viên

Đàm Minh Thuý

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1547-2023-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		205.748.673.142	152.986.644.522
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.060.526.134	24.165.525.171
1. Tiền	111		13.060.526.134	7.165.525.171
2. Các khoản tương đương tiền	112			17.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			16.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2		16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.695.461.843	7.293.554.159
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.850.414.768	8.957.005.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.053.328	1.424.438.598
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.182.626.350	267.742.622
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.355.632.603)	(3.355.632.603)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	140.986.007.002	104.270.597.806
1. Hàng tồn kho	141		140.986.007.002	104.270.597.806
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.006.678.163	1.256.967.386
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.996.295.133	1.256.967.386
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	10.383.030	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		53.333.717.355	57.049.358.604
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		50.752.586.944	55.524.369.417
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	47.640.468.760	52.201.558.425
- Nguyên giá	222		239.480.173.787	239.049.459.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(191.839.705.027)	(186.847.900.982)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.9	3.112.118.184	3.322.810.992
- Nguyên giá	228		7.668.473.819	7.668.473.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.556.355.635)	(4.345.662.827)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.581.130.411	1.524.989.187
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.581.130.411	1.524.989.187
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		259.082.390.497	210.036.003.126

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. Nợ phải trả (300=310+330)	300		101.525.034.699	55.326.050.637
I. Nợ ngắn hạn	310		99.925.034.699	52.326.050.637
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.845.043.174	1.258.402.029
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	206.373.147	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	181.626.350	1.456.498.074
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.332.829.000	3.113.042.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	98.305.569	67.661.052
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	4.121.287.730	6.860.677.434
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	85.731.887.840	38.118.338.159
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.18	1.407.681.889	1.451.431.889
II. Nợ dài hạn	330		1.600.000.000	3.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	1.600.000.000	3.000.000.000
D. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		157.557.355.798	154.709.952.489
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	157.557.355.798	154.709.952.489
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.013.250.000	116.985.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.013.250.000	116.985.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
5. Cổ phiếu quỹ	415		(75.000.000)	(75.000.000)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19e	17.261.272.049	17.261.272.049
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19e	3.650.000.000	3.650.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.707.833.749	16.887.930.440
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.860.430.440	2.701.400.200
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		2.847.403.309	14.186.530.240
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		259.082.390.497	210.036.003.126

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Lê Phương Thảo

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	226.269.715.591	310.279.276.443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	637.241	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		226.269.078.350	310.279.276.443
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	206.604.123.043	279.993.506.289
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.664.955.307	30.285.770.154
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	291.468.130	3.798.277.906
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.197.790.950	5.740.392.976
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.186.825.534	4.460.575.463
8. Chi phí bán hàng	25	V.8b	7.003.989.778	5.051.779.372
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.8a	5.133.380.418	6.162.176.753
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		3.621.262.291	17.129.698.959
11. Thu nhập khác	31	VI.6	70.448.606	17.500.280
12. Chi phí khác	32	VI.7	65.322.492	203.708.329
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.126.114	(186.208.049)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.626.388.405	16.943.490.910
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.10	778.985.096	2.756.960.670
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	V.13	2.847.403.309	14.186.530.240
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.11	278	1.583

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Phương Thảo

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.626.388.405	16.943.490.910
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.635.750.663	6.138.552.198
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.252.825)	(2.897.503)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(289.215.305)	(3.812.880.403)
- Chi phí lãi vay	06		4.186.825.534	4.460.575.463
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.157.496.472	23.726.840.665
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43.166.618.461)	76.530.302.838
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36.715.409.196)	33.247.144.689
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.335.628.353	(22.625.711.648)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.056.141.224)	(1.059.980.578)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.156.181.017)	(7.132.859.018)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.100.000.000)	(3.643.433.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			(724.560.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(72.701.225.073)	98.317.743.998
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(863.968.190)	(2.811.372.075)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		15.000.000	17.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		289.215.305	3.536.602.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.440.247.115	(15.257.269.754)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		213.233.731.765	197.188.956.061
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(167.020.182.084)	(274.596.657.645)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(59.823.585)	(77.551.575)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		46.153.726.096	(77.485.253.159)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(11.107.251.862)	5.575.219.085
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.165.525.171	18.587.408.583
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.252.825	2.897.503
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	13.060.526.134	24.165.525.171

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Phương Thảo

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Trường Phú là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800298748, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của công ty là: 131.013.250.000 đồng (Một trăm ba mươi một tỷ không trăm mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Vốn thực góp đến 31/12/2025 là: 131.013.250.000 đồng (Một trăm ba mươi một tỷ không trăm mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Số lượng công nhân viên đến ngày 31/12/2025: 73 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh dây cáp điện các loại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị điện khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, nhôm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi lưu trữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị; Sản xuất và phân phối điện mặt trời áp mái; Bán buôn giấy;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 giảm so với năm 2024 là 11.339.126.930 đồng tương đương giảm 80%. Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2024 Công ty phát sinh doanh thu bán hàng và doanh thu tài chính từ hoạt động thương mại giấy chiếm 95% lợi nhuận thuần. Năm 2025, Công ty không kinh doanh giấy.

1729
NG TY
NH
TƯ V
H KẾ T
M TO
NAM
HỒ C

0800
ÔNG T
Ổ PH
ÔNG P
HỒ H

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

3.2 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3 **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Căn cứ vào khả năng và tình hình tiêu thụ của khách hàng.

4. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. **Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

6. **Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

6.1 **Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6.2 **Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7. **Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

7.1 **Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thụ nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh

7.2 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

9. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

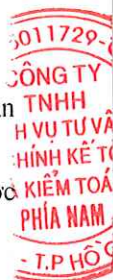
- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

10. Nguồn vốn chủ sở hữu:

10.1 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN			
* Tiền mặt (VND)	147.219.718	149.272.008	
* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.913.306.416	7.016.253.163	
+ Tiền gửi ngân hàng (VND)	12.863.006.533	6.966.854.077	
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Hải Dương	5.042.228.824	4.079.062.432	
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hà Nội	985.327	555.798.468	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Dương	2.389.942.800	2.056.266.190	
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Ba Đình	5.420.356.456	266.252.826	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương	9.493.126	9.474.161	
+ Tiền gửi ngân hàng (USD)	50.299.883	49.399.086	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hải Dương (# 1.338,85 USD)	35.314.846	34.883.307	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Hải Dương (# 568,11 USD)	14.985.037	14.515.779	
* Các khoản tương đương tiền		17.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Dương (*)		17.000.000.000	
Cộng	13.060.526.134	24.165.525.171	

Ghi chú:

(*) Tiền gửi có kỳ hạn

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 340//2024/81733 ngày 15/11/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Dương và Công ty CP Trường Phú; Số tiền gửi: 5.000.000.000 đồng; kỳ hạn 3 tháng; Lãi suất gửi tiền 4,3%/năm.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 340//2024/78898 ngày 23/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Dương và Công ty CP Trường Phú; Số tiền gửi: 12.000.000.000 đồng; kỳ hạn 3 tháng; Lãi suất gửi tiền 4,3%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng

- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Ba Đình (*)

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
			16.000.000.000	16.000.000.000
			16.000.000.000	16.000.000.000
			16.000.000.000	16.000.000.000

Ghi chú:

(*) Tiền gửi có kỳ hạn

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 23/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ba Đình và Công ty CP Trường Phú; Số tiền gửi: 10.000.000.000 đồng; kỳ hạn 6 tháng; Lãi suất gửi tiền 4,5%/năm.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 24/10/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ba Đình và Công ty CP Trường Phú; Số tiền gửi: 6.000.000.000 đồng; kỳ hạn 6 tháng; Lãi suất gửi tiền 4,5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG*** Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

Phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng

- Công ty CP Đầu Tư Cơ Điện Trần Phú

Các khoản phải thu khách hàng khác

- Công ty CP ĐT và Phát triển Bách Khoa

- Công ty CP SX Blue House

- Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Đại Phú Thành

- Công ty TNHH Thiết Bị Điện Anh Ngọc

- Công ty TNHH Thương Mại Diệu Linh

- Công ty TNHH Phát triển Tổng hợp Khánh Nguyên

- Công ty TNHH TM DV và Kiến trúc NEWSUN

- Khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
40.850.414.768	8.957.005.542
21.265.894.824	
21.265.894.824	
19.584.519.944	8.957.005.542
3.355.632.603	3.355.632.603
1.635.472.152	
1.491.240.100	
1.420.221.030	
1.313.844.604	
	3.739.781.220
	508.397.450
10.368.109.455	1.353.194.269
40.850.414.768	8.957.005.542

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN*** Trả trước cho người bán ngắn hạn**

- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC

- Công ty TNHH Thiết Bị Bảo Hộ Lao Động Thiên Mã

- Công ty CP Xích Việt

- Shanghai Goya import & Export Co., LTD

- Công ty CP Khoa học Công nghệ 246

- Công ty CP Kỹ thuật Năng lượng Ecosun

- Khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
18.053.328	1.424.438.598
9.959.980	13.170.631
6.000.000	
2.093.348	2.535.782
	1.246.834.020
	80.000.000
	79.898.165
	2.000.000
18.053.328	1.424.438.598

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	10.182.626.350		267.742.622	
<i>Phải thu khác</i>	10.172.626.350		267.742.622	
- Lãi dự thu	172.626.350		258.778.082	
- Phải thu khác	10.000.000.000		8.964.540	
- Phải thu Ông Nguyễn Hồng Giang (*)	10.000.000.000			
<i>Tạm ứng</i>	10.000.000			
Cộng	10.182.626.350		267.742.622	

Ghi chú (*): Đây là khoản tiền chuyển nhượng cổ phần căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng có phân số 07/2025/HĐCN ngày 09/07/2025 trong Công ty CP Khoáng Sản Sao Phương Bắc giữa Công ty CP Trường Phú và Ông Nguyễn Hồng Giang.

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị có thể thu hồi được	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP ĐT và Phát triển Bách Khoa	3.355.632.603	Trên 3 năm	3.355.632.603	3.355.632.603
Cộng	3.355.632.603		3.355.632.603	

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	66.033.785.511		42.568.398.566	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.578.744.969		30.149.675.508	
- Thành phẩm	43.373.476.522		31.552.523.732	
Cộng	140.986.007.002		104.270.597.806	



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.723.202.000	127.090.000	1.818.181.819		7.668.473.819
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	5.723.202.000	127.090.000	1.818.181.819		7.668.473.819
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.492.111.798	35.369.210	1.818.181.819		4.345.662.827
- Khấu hao trong năm	168.329.472	42.363.336			210.692.808
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	2.660.441.270	77.732.546	1.818.181.819		4.556.355.635
Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	3.231.090.202	91.720.790			3.322.810.992
2. Tại ngày cuối năm	3.062.760.730	49.357.454			3.112.118.184

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.818.181.819 đồng

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

* Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
2.581.130.411	1.524.989.187
2.581.130.411	1.524.989.187
2.581.130.411	1.524.989.187

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a) Vay ngắn hạn	85.731.887.840	85.731.887.840	213.233.731.765	165.620.182.084	38.118.338.159	38.118.338.159		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương (1)	44.997.408.919	44.997.408.919	101.763.815.669	74.419.144.400	17.652.737.650	17.652.737.650		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Dương (2)	8.572.773.586	8.572.773.586	61.407.722.111	73.300.549.034	20.465.600.509	20.465.600.509		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Ba Đình (3)	32.161.705.335	32.161.705.335	50.062.193.985	17.900.488.650				
b) Vay dài hạn	1.600.000.000	1.600.000.000		1.400.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương (4)	1.600.000.000	1.600.000.000		1.400.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000		
Cộng	87.331.887.840	87.331.887.840	213.233.731.765	167.020.182.084	41.118.338.159	41.118.338.159		

(1) Đây là khoản vay Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng số 01/2025/833497/HĐTD ngày 21/11/2025, chi tiết:

- Hạn mức cấp tín dụng: 45.000.000.000 đồng;

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

- Lãi suất: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

- Tài sản đảm bảo:

+ Hợp đồng thế chấp số: 01/2013/HĐTC-TP ngày 16/8/2013 được ký giữa Công ty CP Trường Phú và BIDV Hải Dương;

+ Hợp đồng thế chấp số: 01/2011/HĐTC-TP ngày 27/4/2011 được ký giữa Công ty CP Trường Phú và BIDV Hải Dương;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2021/833497/HĐTC ngày 15/01/2021 được ký giữa Công ty CP Trường Phú và BIDV Hải Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

(2) Đây là khoản vay Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 19.08/2025-HĐCVHM/NHCT340-TRUONGPHU ngày 29/09/2025; chi tiết:

- Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 đồng;

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy, dây đồng, dây cáp điện và điện tử khác...;

- Lãi suất cho vay trong hợp đồng này là lãi suất điều chỉnh;

- Tài sản đảm bảo:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 5785.2012/HĐTC ngày 18/12/2012 ký giữa bên cho vay - Bên nhận thế chấp với Ông Lê Thanh Sơn và bà Cao Thị Thu Hà;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 06/2021/HĐĐ/NHCT340/TRUONGPHU-DUCDONGI2000T ngày 08/07/2021 được ký giữa Bên cho vay - Bên nhận thế chấp và Bên vay - Bên thế chấp;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 06/2021/HĐĐ/NHCT340/TRUONGPHU-MICA ngày 08/07/2021 được ký giữa Bên cho vay - Bên nhận thế chấp và Bên vay - Bên thế chấp;

(3) Đây là khoản vay Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/CTD/VCBBD-TP ngày 23/06/2025; chi tiết:

- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng;

- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dây cáp điện, dây đồng, thương mại giấy của khách hàng không bao gồm nhu cầu đầu tư tài sản cố định;

- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

- Lãi suất cho vay: Theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp QSD đất và nhà ở số 01/2022/BDS/VCBBD-TP ngày 28/03/2022 giữa Công ty CP Trường Phú và Ông Lê Thanh Sơn.

(4) Đây là khoản vay Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng số 02/2020/833497/HĐTD ngày 29/10/2020, chi tiết:

- Số tiền cho vay: 8.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái;

- Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất: 9,0%/năm áp dụng đến hết ngày 31/01/2021, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần hoặc điều chỉnh khi có thông báo của ngân hàng;

- Tài sản đảm bảo: Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.845.043.174	4.845.043.174	1.258.402.029	1.258.402.029
Phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả người bán	3.350.860.164	3.350.860.164	901.250.000	901.250.000
- Công ty TNHH 3H Vinacom	1.636.469.244	1.636.469.244		
- Công ty CP Phụ Gia PVC Xanh	916.866.000	916.866.000		
- Công ty CP SX và TM Dịch Vụ Hoàng Khoa	797.524.920	797.524.920	901.250.000	901.250.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.494.183.010	1.494.183.010	1.258.402.029	357.152.029
- Công ty CP Nhựa Bluestar	381.633.901	381.633.901	176.000.000	176.000.000
- Công ty CP Viet Logos	375.571.957	375.571.957		
- Shanghai Goya Import & Export Co., Ltd (14.296,50 USD)	377.098.781	377.098.781		
- Công ty CP Vật tư Xăng dầu Hải Dương	58.430.618	58.430.618	70.804.109	70.804.109
- Công ty TNHH Giải pháp Kỹ thuật Việt Nhật			91.873.440	91.873.440
- Các đối tượng khác	301.447.753	301.447.753	18.474.480	18.474.480
Cộng	4.845.043.174	4.845.043.174	1.258.402.029	1.258.402.029

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Người mua trả tiền trước ngắn hạn	206.373.147	206.373.147	150.000.000	150.000.000
- Công ty CP Anh Việt			28.392.423	28.392.423
- Công ty TNHH Thiết bị điện Xuân Kiên			27.880.724	27.880.724
- Mai Văn Thanh			100.000	100.000
- Công ty TNHH 189 Việt Anh				
Cộng	206.373.147	206.373.147	150.000.000	150.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu			177.174.970	177.174.970		
- Thuế nhập khẩu			82.819.222	82.819.222		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.310.631.874		778.985.096	2.100.000.000	10.383.030	
- Thuế thu nhập cá nhân	145.866.200		325.026.350	289.266.200		181.626.350
- Tiền thuế đất			87.466.441	87.466.441		
- Thuế môn bài			5.000.000	5.000.000		
Cộng		1.456.498.074	1.456.472.079	2.741.726.833	10.383.030	181.626.350

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Phải trả người lao động

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
3.332.829.000	3.113.042.000
3.332.829.000	3.113.042.000

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Chi phí lãi vay

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
98.305.569	67.661.052
98.305.569	67.661.052

17. PHẢI TRẢ KHÁC

* Ngắn hạn

- Cổ tức phải trả

- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát

- Công ty CP Đầu tư Cơ điện Trần Phú

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
4.121.287.730	6.860.677.434
3.677.287.730	3.737.111.315
444.000.000	444.000.000
	2.679.566.119
4.121.287.730	6.860.677.434

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH

- Quỹ khen thưởng

- Quỹ phúc lợi

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.332.531.362	1.337.551.362
75.150.527	113.880.527
1.407.681.889	1.451.431.889



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỞNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	116.985.750.000	(75.000.000)	17.261.272.049	3.650.000.000	2.701.400.200	140.523.422.249
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	116.985.750.000	(75.000.000)	17.261.272.049	3.650.000.000	16.887.930.440	154.709.952.489
- Tăng vốn trong năm nay	14.027.500.000					14.027.500.000
- Lãi trong năm nay						2.847.403.309
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm nay	131.013.250.000	(75.000.000)	17.261.272.049	3.650.000.000	5.707.833.749	157.557.355.798

Ghi chú (*): Giảm khác của Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ/ĐHĐCĐ/25 ngày 21 tháng 06 năm 2025:

Số tiền

- Chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu

14.027.500.000

Cộng

14.027.500.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	0%		
- Vốn góp của đối tượng khác	100%	131.013.250.000	116.985.750.000
Cộng	100%	131.013.250.000	116.985.750.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	116.985.750.000	116.985.750.000
+ Vốn góp tăng trong năm	14.027.500.000	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	131.013.250.000	116.985.750.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		14.027.500.000
d/ Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.101.325	11.698.575
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	13.101.325	11.698.575
+ Cổ phiếu phổ thông	13.101.325	11.698.575
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.500	7.500
+ Cổ phiếu phổ thông	7.500	7.500
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.093.825	11.698.575
+ Cổ phiếu phổ thông	13.093.825	11.691.075
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP		
e/ Các quỹ của doanh nghiệp	20.911.272.049	20.911.272.049
- Quỹ đầu tư và phát triển	17.261.272.049	17.261.272.049
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.650.000.000	3.650.000.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.906,96	1.933,36
Cộng	1.906,96	1.933,36

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	226.269.715.591	235.487.713.243
- Doanh thu giấy paperone		74.791.563.200
Cộng	226.269.715.591	310.279.276.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Hàng bán bị trả lại

Cộng

Năm nay	Năm trước
637.241	
637.241	

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của thành phẩm đã bán

- Giá vốn điện mặt trời áp mái

- Giá vốn giấy paperone

Cộng

Năm nay	Năm trước
206.604.123.043	219.492.229.940
	801.767.754
	59.699.508.595
206.604.123.043	279.993.506.289

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi

- Lãi trả chậm

- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Năm nay	Năm trước
289.215.305	269.299.268
	3.526.081.135
2.252.825	2.897.503
291.468.130	3.798.277.906

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.186.825.534	4.460.575.463
10.965.416	1.279.817.513
4.197.790.950	5.740.392.976

6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý TSCĐ

- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
15.000.000	17.500.000
55.448.606	280
70.448.606	17.500.280

7. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt vi phạm, chậm nộp thuế

- Khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
	203.707.260
65.322.492	1.069
65.322.492	203.708.329

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý

- Chi phí vật liệu quản lý

- Đồ dùng văn phòng

- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý

- Thuế và lệ phí

- Dịch vụ mua ngoài

- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
3.550.496.000	4.409.651.088
	206.165.307
1.032.228	40.087.364
417.484.593	527.429.337
127.525.915	5.000.000
952.941.682	205.498.578
83.900.000	768.345.079
5.133.380.418	6.162.176.753

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

	Năm nay	Năm trước
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên bán hàng	3.104.778.618	2.176.805.000
- Chi phí vật liệu, bao bì		1.385.393.486
- Chi phí khấu hao TSCĐ	193.676.014	504.993.435
- Dịch vụ mua ngoài	1.843.144.371	325.423.584
- Chi phí bằng tiền khác	1.862.390.775	659.163.867
Cộng	7.003.989.778	5.051.779.372
9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	538.396.800.645	448.320.992.453
- Chi phí nhân công	17.158.710.618	15.619.917.088
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.635.750.663	6.138.552.198
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.531.387.557	4.121.708.537
- Chi phí bằng tiền khác	6.026.613.847	2.516.859.683
Cộng	572.749.263.330	476.718.029.959
10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	778.985.096	2.210.631.874
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		546.328.796
Cộng	778.985.096	2.756.960.670
11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.847.403.309	14.186.530.240
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.847.403.309	14.186.530.240
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.256.723	10.256.723
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	278	1.383
12. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT		
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	444.000.000	444.000.000
Cộng	444.000.000	444.000.000
13. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ		
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	3.626.388.405	16.943.490.910
b- Các khoản điều chỉnh tăng	317.313.800	624.507.264
+ Chi phí không hợp lệ	317.313.800	624.507.264
c- Các khoản điều chỉnh giảm	48.776.726	6.514.838.805
+ Chi phí lãi vay các năm trước theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	48.776.726	6.514.838.805
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	3.894.925.479	11.053.159.369
e- Thuế TNDN phải nộp trong năm	778.985.096	2.210.631.874
f- Thuế TNDN được miễn giảm		546.328.796
g- Thuế TNDN các năm trước điều chỉnh vào năm nay	778.985.096	2.756.960.670
h- Thuế TNDN phải nộp (h=e-f+g)	2.847.403.309	14.186.530.240
i- Lợi nhuận sau thuế TNDN (i=a-h)		

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 213.33.731.765 đồng.

2- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 167.020.182.084 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG**1- Giao dịch giữa các bên liên quan:***a) Các bên liên quan***Tên đơn vị****Quan hệ**

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

*b) Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có số dư với bên có liên quan.**c) Trong năm 2025, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan như sau:*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
Thành viên của Hội đồng quản trị			
Thù lao			
Ông Lương Hoài Nam	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hồng Việt	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Hồ Đức Thành	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đức Chiến	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Thư ký của Hội đồng quản trị			
Thù lao			
Bà Lê Phương Thảo	Thư ký HĐQT	36.000.000	36.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát			
Thù lao			
Ông Phạm Duy Thanh	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Xuân Hằng	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc			
Lương			
Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	932.659.000	917.453.000
Ông Nguyễn Tô Duy	Phó Tổng Giám đốc	623.235.000	585.572.000
Ông Hồ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	681.065.000	639.232.000

05011
CÔNG
TNH
CH VỤ
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHIA
- T.P

08002
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TRƯỜNG PH
HỒ HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

2- Báo cáo bộ phận

2.1- Báo cáo bộ phận: Bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

- a- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh gồm sản xuất, kinh doanh dây đồng, các sản phẩm dây và cáp, gia công dây đồng, dây cáp.
- b- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hải Dương và Hà Nội.

2.2- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh	Tổng Cộng
A- Kết quả			
1- Doanh thu thuần	226.269.078.350		226.269.078.350
2- Chi phí	218.741.493.239		218.741.493.239
- Giá vốn hàng bán ra	206.604.123.043		206.604.123.043
- Chi phí quản lý	5.133.380.418		5.133.380.418
- Chi phí bán hàng	7.003.989.778		7.003.989.778
- Hoạt động tài chính			(3.906.322.820)
+ Chi phí tài chính			4.197.790.950
+ Thu nhập tài chính			291.468.130
3- Lợi nhuận thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.527.585.111		3.621.262.291
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	259.082.390.497		259.082.390.497
C- Nợ phải trả của bộ phận	101.525.034.699		101.525.034.699
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ	1.131.660.966		1.131.660.966
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước	5.635.750.663		5.635.750.663
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	5.635.750.663		5.635.750.663
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước			



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

3- Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	13.060.526.134	7.165.525.171			13.060.526.134	7.165.525.171
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.850.414.768	16.000.000.000			16.000.000.000	16.000.000.000
- Phải thu của khách hàng	10.182.626.350	8.957.005.542	(3.355.632.603)	(3.355.632.603)	37.494.782.165	5.601.372.939
- Phải thu ngắn hạn khác	64.093.567.252	267.742.622	(3.355.632.603)	(3.355.632.603)	10.182.626.350	267.742.622
Cộng		32.390.273.335			60.737.934.649	29.034.640.732

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ ngắn hạn	85.731.887.840	38.118.338.159			85.731.887.840	38.118.338.159
- Phải trả người bán	4.845.043.174	1.258.402.029			4.845.043.174	1.258.402.029
- Chi phí phải trả	98.305.569	67.661.052			98.305.569	67.661.052
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.121.287.730	6.860.677.434			4.121.287.730	6.860.677.434
Cộng	94.796.524.313	46.305.078.674			94.796.524.313	46.305.078.674

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty có ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do việc mua nguyên vật liệu được thực hiện bằng việc nhập khẩu, nhưng đầu ra bán hàng được thực hiện bằng đồng Việt nam và có đảm bảo bằng đồng ngoại tệ tại thời điểm bán hàng và xác định công nợ nên việc rủi ro về tỷ giá ngoại tệ được bù đắp.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất thấp và có định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty có khả năng tài chính ổn định, những khách hàng nhỏ, lẻ việc thanh toán theo phương thức thanh toán ngay trước khi giao hàng, ngoại trừ có một số khách hàng có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong ngành dây và cáp Công ty có áp dụng cho thanh toán trả chậm có gói đầu.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trong năm không phát sinh các khoản phải thu khó đòi. Tuy nhiên cũng có một số công ty phát sinh công nợ từ những năm trước đó là các khoản lãi phát sinh do chậm thanh toán, đến nay vẫn chưa đòi được vì các đối tác đó thay đổi ban lãnh đạo, các khoản thu này được xác định là rất khó đòi được trong năm nay, có thể sẽ phải dùng các biện pháp mạnh hơn thì mới thu hồi được.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu Công Nghiệp Phúc Điền, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Lê Phương Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Thanh Sơn

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Trưởng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

